TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 6 - 2024.
V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông **Trịnh Hữu Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Phước Tâm**

2. Bà **Nguyễn Thị Phượng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Hồ Thị Đào** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 04/6/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 653/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 220/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Trúc X**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị X có đơn xin xét xử vắng mặt; anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2023, chị Nguyễn Thị Trúc X trình bày:

Về hôn nhân: Chị X và anh Nguyễn Văn B kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Thời

gian đầu vợ chồng sống chung có hạnh phúc. Một năm sau anh B phát bệnh, tinh thần không ổn định và nhiều lần cầm dao đe dọa đến tính mạng chị X. Từ năm 2014 đến nay vợ chồng cũng đã sống ly thân. Nhận thấy cả hai không còn tình cảm, hôn nhân không hàn gắn được nữa, nay chị Nguyễn Thị Trúc X yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn B đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, hòa giải và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Căn cước công dân Nguyễn Thị Trúc X (bản photo);

- Trích lục kết hôn (bản sao);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Trúc X về việc yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn B, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn".*

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã A, huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn B mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Đồng Thời, chị Nguyễn Thị Trúc X có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị Trúc X.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Chị X và anh B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 22/5/2013 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống thì nay chị X yêu cầu ly hôn vì cho rằng hôn nhân không thể tiếp tục, sống chung không còn hạnh phúc và hiện nay vợ chồng không còn sống chung. Về phía anh B là bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các thông báo của tòa án nhưng không có ý kiến, không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa. Như vậy, có căn cứ xác định anh B không có thiện chí hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng như chị X trình bày là có thật và đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Trúc X.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị X trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị X phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị X đã nộp theo biên lai số 0001042 ngày 22/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Trúc X.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trúc X được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trúc X phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị X đã nộp theo biên lai số 0001042 ngày 22/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

Trịnh Hữu Chinh